TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2024/QĐST-DS	*TP. Thái Bình, ngày 23 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Thư ký phiên họp: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 38/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 24/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà D, đường L, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà D, đường L, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2.2. Anh Phạm Tuấn V1, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái

Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà F, đường L, tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Theo đơn yêu cầu đề ngày 23/5/2024, bản tự khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu ông Phạm Văn V trình bày:*

Ông và bà Trần Thị N, sinh năm 1954; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Số nhà D, đường L, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình kết hôn vào năm 1987. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại tổ B (tổ 47 cũ), phường K, thành phố T (trước đây là phường K, thị xã T), tỉnh Thái Bình, đến năm 2010, gia đình chuyển về sinh sống tại tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng sinh được hai người con là Phạm Tuấn A, Phạm Tuấn V1. Kể từ khi sinh ra, lập gia đình đến năm 2021, sức khỏe của bà N bình thường, bà N là người nhanh nhẹn, hoạt bát, quan hệ hòa đồng với bà con làng xóm, chăm lo cho gia đình và các con, hai vợ chồng cùng điều hành hoạt động kinh doanh tại địa phương. Từ năm 2021, bà N có những biểu hiện lúc nhớ lúc quên, thỉnh thoảng đi khỏi nhà nhưng không nhớ đường về, nhiều lần hàng xóm nhìn thấy phải gọi gia đình đưa bà N về. Kể từ khi có những biểu hiện trên, càng ngày sức khỏe bà N càng yếu hơn. Từ tháng 3/2022, bà N không nhớ ai trong gia đình, hàng xóm hay tổ dân phố, việc ăn uống, sinh hoạt phải có người giúp đỡ, gia đình phải thuê người trông coi, chăm sóc riêng bà N. Gia đình ông đã đưa bà N đi khám chữa tại Bệnh viện L và Bệnh viện tâm thần tỉnh T nhưng bệnh ngày càng nặng hơn. Nay ông V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố vợ ông là Trần Thị N, sinh năm 1954; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Số nhà D, đường L, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình mất năng lực hành vi dân sự.

** Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn A và anh Phạm Tuấn V1 đều trình bày:*

Mẹ đẻ các anh là Trần Thị N, bố đẻ các anh là Phạm Văn V. Từ khoảng năm 2010, gia đình anh chuyển về sinh sống tại tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Đến nay, các anh đều đã lập gia đình và ra ở riêng, bố mẹ anh vẫn sinh sống tại tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quá trình sinh sống tại địa phương đến năm 2021, sức khỏe của bà N bình thường, bà N là người nhanh nhẹn, hoạt bát, quan hệ hòa đồng với bà con làng xóm, chăm lo cho gia đình và các con, hai ông bà cùng điều hành hoạt động kinh doanh tại địa phương. Từ năm 2021, bà N có những biểu hiện lúc nhớ lúc quên, thỉnh thoảng đi khỏi nhà nhưng không nhớ đường về, nhiều lần hàng xóm nhìn thấy phải gọi gia đình đưa bà N về. Từ tháng 3/2022, bà N không nhớ ai trong gia đình, hàng xóm hay tổ dân phố, việc ăn uống, sinh hoạt phải có người giúp đỡ, gia đình

phải thuê người trông coi, chăm sóc riêng bà N. Kể từ khi có dấu hiệu bị bệnh, gia đình anh đã đưa bà N đi khám, chữa bệnh tại Bệnh viện L và Bệnh viện tâm thần tỉnh T nhưng không có kết quả, càng ngày sức khỏe bà N càng yếu hơn. Đối với việc bố các anh là Phạm Văn V yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố mẹ các anh là Trần Thị N, sinh năm 1954; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Số nhà D, đường L, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình mất năng lực hành vi dân sự, các anh nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trưng cầu số 347/KLGĐ ngày 09/12/2024 của V2 kết luận: *"Tại thời điểm giám định đối tượng Trần Thị N bị bệnh Mất trí nhớ trong bệnh Alzheimer, khởi phát muộn. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F00.1. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi."*

** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến khi quyết định mở phiên họp, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 363, Điều 366, Điều 367, Điều 376, Điều 377, Điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn V, tuyên bố bà Trần Thị N, sinh năm 1954; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Số nhà D, đường L, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình mất năng lực hành vi dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự của ông Phạm Văn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung: Ông Phạm Văn V yêu cầu Tòa án tuyên bố vợ là bà Trần Thị N mất năng lực hành vi dân sự. Điều 22 Bộ luật Dân sự 2015 quy định:

"1. Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần…". Xét thấy, tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trưng cầu số 347/KLGĐ ngày 09/12/2024 của V2 kết luận: *"Tại thời điểm giám định đối tượng Trần Thị N bị bệnh Mất trí nhớ trong bệnh Alzheimer, khởi phát muộn. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F00.1. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi."* Như vậy, có đủ căn cứ để tuyên bố bà Trần Thị N, sinh năm 1954; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Số nhà D, đường L, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình mất năng lực hành vi dân sự.

[3]. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn V chấp nhận nộp toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Văn V được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu ông Phạm Văn V, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn A và anh Phạm Tuấn V1 có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn luật định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 22 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 363, Điều 366, Điều 367, Điều 376, Điều 377, Điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 36 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Điều 1: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn V, tuyên bố bà Trần Thị N, sinh năm 1954; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Số nhà D, đường L, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình mất năng lực hành vi dân sự.

Điều 2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự

Ông Phạm Văn V được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

Điều 3. Quyền kháng cáo, kháng nghị

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Điều 4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Người yêu cầu;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh